

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CÁT TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH TRĂNG TUYỂN VÀO LỚP 10
Năm học: 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Tối đa + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
1	PHAN ANH	19/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1,0		10	10	10	10	41,0	9,2	17,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
2	NGUYỄN VĂN	11/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1,0		10	10	10	10	41,0	8,6	17,2	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
3	ĐÀM MAI	18/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1,0		10	10	10	10	41,0	8,4	16,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
4	NGUYỄN THỊ THU	02/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		0,5	10	10	10	10	40,5	8,2	15,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
5	PHẠM MINH	24/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	18,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
6	NGUYỄN TRẦN TIẾN	14/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	17,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
7	BÙI ANH	19/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	17,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
8	NGUYỄN NHÃ CÁT	04/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	17,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
9	NGUYỄN TÂN	01/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	17,7	Trường THCS Đức Phổ		NV1
10	PHẠM THỊ XUÂN	22/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	17,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
11	LƯU NHÃ THUY	19/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	17,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
12	VŨ TRONG	20/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,0	17,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
13	HỒ HÀ QUỲNH	15/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,9	17,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
14	PHẠM MAI	10/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,9	17,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
15	TRẦN MINH	04/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,8	17,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
16	NGUYỄN THANH	18/01/2010	Bắc Ninh	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	17,0	Trường THCS Đức Phổ		NV1
17	PHẠM THỊ QUỲNH	11/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	16,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
18	PHẠM THỊ KIM	26/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	16,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
19	TRẦN THỊ PHUÔNG	08/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	16,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
20	NGUYỄN TRẦN GIA	22/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	16,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
21	NGUYỄN QUỲNH	17/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	16,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
22	PHAN THỊ THUY	08/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,6	17,7	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
23	NGUYỄN ĐÀO TUẤN	04/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,6	16,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
24	NGUYỄN ANH	24/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,5	17,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
25	NGUYỄN NGỌC MỸ	22/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,5	16,9	Trường THCS Đức Phổ		NV1
26	TRẦN HẠNH	06/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,5	16,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
27	NGUYỄN NHẬT	01/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,5	16,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
28	ĐINH LÊ NGỌC	02/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,5	16,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
29	PHẠM NGUYỄN TUYẾT	19/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,4	16,7	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
30	PHẠM NHƯ	12/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,4	16,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
31	ĐOÀN THỊNH	02/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,4	15,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
32	NGUYỄN THỊ THANH	20/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,3	15,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
33	TRẦN VŨ BẢO	16/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,3	15,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
34	ĐỒNG MẠNH	19.07.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,3	15,1	Trường THCS Đồng Nai		NVI
35	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG	08.01.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,2	16,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
36	VÕ VĂN THẠNH	16.04.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,2	15,6	Trường THCS Đức Phổ		NVI
37	VŨ ĐÌNH TRUNG	12.07.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,2	15,6	Trường THCS Đồng Nai		NVI
38	VŨ LÊ DUY	17.07.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	7,9	15,8	Trường THCS Đồng Nai		NVI
39	TRƯƠNG THỊ	09.02.2010	Lâm Đồng	Nữ	Mường	1,0		10	10	10	9	40,0	7,9	15,3	Trường THCS Đồng Nai		NVI
40	NGUYỄN VÕ BẢO	22.05.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,7	17,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
41	HOÀNG TRÁ	02.01.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,6	17,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
42	NGUYỄN VŨ THUY	02.12.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,5	16,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
43	TRẦN KIM	07.06.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39,0	8,4	16,9	Trường THCS Đồng Nai		NVI
44	VŨ NGUYỄN TRÚC	18.08.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,4	16,3	Trường THCS Đồng Nai		NVI
45	PHẠM NGUYỄN KIM	03.06.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,4	16,3	Trường THCS Đức Phổ		NVI
46	LÊ THỊ YẾN	03.01.2010	Bình Dương	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39,0	8,3	16,2	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
47	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO	25.02.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39,0	8,3	15,3	Trường THCS Đồng Nai		NVI
48	LƯƠNG THỊ DIỄM	30.07.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39,0	8,2	16,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
49	NGUYỄN NHẬT	06.01.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,2	15,7	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
50	HUYỀN THANH	28.10.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,1	14,7	Trường THCS Đồng Nai		NVI
51	TRẦN DUY	06.10.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39,0	8,0	14,6	Trường THCS Đồng Nai		NVI
52	LÊ BÌNH TRÂM	22.10.2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39,0	8,0	14,6	Trường THCS Đồng Nai		NVI
53	NGUYỄN THẠNH	14.01.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	9	39,0	7,9	14,8	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
54	NGUYỄN TRÁ	13.12.2010	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,5	17,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
55	TRẦN THỊ HUƠNG	19.09.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,5	16,6	Trường THCS Đồng Nai		NVI
56	LÊ HUYNH	15.07.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,5	15,6	Trường THCS Đức Phổ		NVI
57	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	29.10.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,4	16,9	Trường THCS Đồng Nai		NVI
58	BUI PHAN BẢO	02.08.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,4	15,8	Trường THCS Đức Phổ		NVI
59	BUI HUY	14.11.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	9	9	38,0	8,2	16,4	Trường THCS Đồng Nai		NVI
60	HÙA DUY	17.01.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9	38,0	8,0	15,6	Trường THCS Đồng Nai		NVI
61	PHAN MINH	25.01.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9	38,0	8,0	15,6	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
62	NGUYỄN ĐẮC HẢI	18.03.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9	38,0	8,0	15,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
63	NGUYỄN HIỆU	06.09.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	10	9	38,0	8,0	14,7	Trường THCS Đồng Nai		NVI
64	NGUYỄN TÂN	22.07.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9	38,0	8,0	14,6	Trường THCS Đức Phổ		NVI
65	ĐOÀN THỊ BÍCH	14.01.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	9	38,0	7,9	15,3	Trường THCS Đồng Nai		NVI
66	VŨ THUY HAI	25.09.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	9	38,0	7,9	14,9	Trường THCS Đồng Nai		NVI
67	CHU ANI	18.03.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	10	9	38,0	7,9	14,5	Trường THCS Đồng Nai		NVI
68	NGUYỄN NGỌC	21.01.2010	Lâm Đồng	Nữ	Thai	1,0		10	9	9	9	38,0	7,7	15,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập					Tổng điểm	ĐTB	Tỉ lệ + vấn	Tên trường lớp 9	Tuyên thặng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
69	PHẠM THỊ XUÂN	MAI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,6	15,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
70	VŨ TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,4	16,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
71	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,4	16,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
72	NGUYỄN LÊ THÙY	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,3	16,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
73	VŨ THÙY	DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	9	9		37,0	8,2	16,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
74	HUỖNH THỊ DIỄM	PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	9		37,0	8,1	15,7	Trường THCS Đức Phổ		NV1
75	NGUYỄN NGỌC GIA	HẬU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,1	15,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
76	TRƯỜNG KHÁNH	TIẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,1	15,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
77	NGUYỄN CẨM	TÚ	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1,0		9	9	9	9		37,0	8,0	16,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
78	NÔNG NGỌC PHƯƠNG	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1,0		9	9	9	9		37,0	8,0	15,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
79	VŨ DẰNG QUANG	HIỆNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	9		37,0	7,8	15,3	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
80	LÝ THỊ THÙY	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Nung	1,0		9	9	9	9		37,0	7,7	15,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
81	LÊ THỊ CAM	TIẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1,0		9	9	9	9		37,0	7,7	14,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
82	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1,0		9	9	9	9		37,0	7,5	14,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
83	VŨ THỊ THANH	THÙY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1,0		9	9	9	9		37,0	7,5	14,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
84	CHUNG MẠNH	DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Tày	1,0		9	9	9	9		37,0	7,4	14,0	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
85	ĐIỀU THỊ ANH	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Siêng	1,0		9	9	9	9		37,0	7,3	13,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
86	THẠCH MỸ	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1,0		9	9	9	9		37,0	7,2	13,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
87	VŨ TRÔNG	TUÂN	Lâm Đồng	Nam	Nung	1,0		9	9	9	9		37,0	7,2	13,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
88	ĐINH VĂN	NHỎ	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	9		37,0	7,1	13,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
89	NÔNG THỊ HUỖYÊN	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Nung	1,0		9	9	9	9		37,0	6,9	12,6	Trường THCS Đức Phổ		NV1
90	TRẦN BÁ	ĐÔNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,1	14,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
91	ĐỖ LÊ GIA	HÀN	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	16,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
92	LÊ NGUYỄN TIẾN	LỘC	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	15,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
93	NGUYỄN TRẦN GIA	KIANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	15,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
94	LẠI NGUYỄN TIẾN	THÀNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	15,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
95	TRẦN CẨM	TIẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	15,2	Trường THCS Đức Phổ		NV1
96	VŨ TRẦN HOÀNG	MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	15,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
97	TÀ THỊ THANH	HÀ	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,0	15,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
98	LÊ THỊ KIEU	TRANG	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,9	15,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
99	ĐO TÂN	PHÁT	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,9	15,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
100	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯT	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,9	14,7	Trường THCS Đức Phổ		NV1
101	LÊ THỊ HỒNG	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	10	9	10		36,0	7,9	14,7	Trường THCS Đức Phổ		NV1
102	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	15,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
103	BÙI THỊ ANH	ĐÀI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	15,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện- học tập					Tổng điểm	ĐTB	Tổng + văn	Tên trường lớp 9	Tuyên thặng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
104	NGUYỄN XUÂN LƯƠNG	24/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	14,8	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
105	NGUYỄN CHU CẨM TÚ	20/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	14,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
106	NGUYỄN DINH THIÊN	12/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	14,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
107	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	18/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	14,0	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
108	TRẦN DUY KHÁNH	24/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,7	15,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
109	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	17/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,7	15,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
110	TRINH HUY HOÀNG	16/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,7	14,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
111	ĐINH THAI BẢO	06/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,7	14,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
112	TRẦN THỊ NGÂN	27/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,7	14,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
113	HỒ NGỌC PHONG	18/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,7	13,8	Trường THCS Đức Phổ		NV1
114	HÀ MINH VŨ	25/03/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,6	14,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
115	LÊ HOÀNG DINH NHẬT	24/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,6	14,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
116	VŨ BẠCH TÙNG	21/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,6	13,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
117	ĐOÀN THỊ HỒNG NGỌC	11/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,5	14,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
118	NGUYỄN HUY HOÀNG	10/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,5	13,2	Trường THCS Đức Phổ		NV1
119	NGUYỄN NHẬT TOÀN	23/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,5	13,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
120	LÊ TRIỆU HOÀNG LINH	28/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,4	13,9	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
121	KIM TIẾN ĐẠT	11/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,4	13,7	Trường THCS Đức Phổ		NV1
122	PHẠM NHẬT MINH	26/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,4	13,5	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
123	NGUYỄN HỮU PHÚC	02/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,4	13,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
124	LÊ DINH HIỆP	06/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,3	13,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
125	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	07/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,3	13,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
126	HUYỀN QUANG THIÊN	14/01/2010	Bình Định	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,3	12,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
127	HUYỀN DĂNG HOÀNG HUY	08/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,3	12,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
128	LƯU ANH KIẾT	03/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,2	14,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
129	CHU KIM HONG	05/06/2010	Quảng Nam	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,2	13,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
130	NGUYỄN NGỌC DIỆP	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,2	12,8	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
131	NGUYỄN HOÀNG TRANG THU	29/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,1	13,5	Trường THCS Đức Phổ		NV1
132	DỖ PHAM TƯỜNG VY	05/09/2010	Trà Vinh	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,1	13,0	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
133	TRINH PHƯƠNG KIẾN	02/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	6,8	13,3	Trường THCS Đức Phổ		NV1
134	ĐOÀN NGỌC SANG	01/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	6,8	12,4	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
135	VŨ HẢI NGỌC MAI	24/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	7	9	9		35,0	7,6	14,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
136	BÙI ANH TỰ	22/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kho me			9	9	7	9		35,0	7,6	14,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
137	TRẦN HOÀNG TÙNG LÂM	11/09/2010	Bình Phước	Nam	Kinh			9	7	9	9		35,0	7,4	13,6	Trường THCS Đồng Nai		NV1
138	BÙI THỊ THU HƯỜNG	03/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9		34,0	7,5	14,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Tấm + văn	Tên trường lớp 9	Tuyên thặng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
139	HUYỀN NGOC KHÁNH	LINH	03.08.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34,0	7,3	13,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
140	ĐUÔNG THỊ THANH	MAI	31.01.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	9	9	9	34,0	7,3	12,4	Trường THCS Đức Phổ		NV1
141	PHẠM TIÊU	BĂNG	26.12.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34,0	7,2	13,6	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
142	CAO HOÀNG	BIN	16.08.2010	TP. Đà Nẵng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34,0	7,2	12,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
143	NGUYỄN THÀNH	LONG	19.10.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34,0	7,0	13,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
144	ĐỖ QUỐC	ĐẠT	07.11.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	9	7	9	34,0	7,0	13,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
145	TRẦN HOÀNG	BẢO	16.08.2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34,0	7,0	13,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
146	TRẦN BẢO	LONG	03.08.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	9	34,0	6,9	14,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
147	NGUYỄN NGỌC	NAM	24.02.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	9	34,0	6,9	12,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1
148	LÊ HOÀNG	LONG	17.11.2010	TP. Cần Thơ	Nam	Kinh		9	9	9	7	34,0	6,9	11,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
149	NGUYỄN TÂN	QUYÊN	24.02.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	10	9	33,0	8,0	14,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
150	VÔ THANH	LÊ	05.12.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	8	7	9	33,0	7,4	13,4	Trường THCS Đức Phổ		NV1
151	NGUYỄN THỊ THUY	TIÊN	21.12.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	9	7	8	33,0	7,0	12,1	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
152	TRẦN ANH	ĐẠT	10.04.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,7	15,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
153	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	23.10.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,4	13,5	Trường THCS Đức Phổ		NV1
154	TRẦN CÔNG	THĂNG	01.02.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,3	14,2	Trường THCS Đồng Nai		NV1
155	NGÔ NHẬT	THIỆN	31.08.2010	TP. Hà Chi Minh	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,3	13,8	Trường THCS Đức Phổ		NV1
156	PHAN ĐO THẠNH	TÀI	18.08.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,3	13,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
157	TRẦN MINH	VŨ	21.08.2010	Đồng Nai	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,3	13,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
158	HOÀNG TRUNG	NGHĨA	03.06.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,2	13,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
159	PHẠM GIA	BAO	05.03.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32,0	7,1	13,2	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
160	TRƯỜNG HUY	HOÀNG	14.10.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	9	9	7	32,0	7,0	14,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
161	ĐẶNG NGỌC HOÀNG	AN	21.09.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32,0	7,0	13,3	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
162	HÀ THANH	PHONG	23.03.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32,0	7,0	12,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
163	NGUYỄN DINH	ĐẠO	27.09.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	7,0	11,9	Trường THCS Đức Phổ		NV1
164	ĐẶNG THỊ THU	TRANG	14.03.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		9	7	9	7	32,0	6,9	12,4	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
165	PHẠM HOÀNG	BÁCH	05.12.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	9	9	32,0	6,8	12,6	Trường THCS Đức Phổ		NV1
166	NGUYỄN PHUỐC	LỘC	10.06.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	7	9	32,0	6,8	11,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
167	TRẦN NGỌC	NAM	29.09.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	7	9	7	32,0	6,5	11,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
168	BÙI DINH	HUNG	13.02.2010	Lâm Đồng	Nam	Mường	1,0	7	7	7	9	31,0	6,7	12,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
169	TRẦN THỊ THANH	NIÊN	30.05.2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30,0	7,6	14,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
170	NGÔ THANH	THẢO	06.10.2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh		7	7	7	9	30,0	7,6	13,9	Trường THCS Đồng Nai		NV1
171	NGUYỄN	VUÔNG	30.04.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	8	6	9	30,0	7,5	13,8	Trường THCS Đồng Nai		NV1
172	BÙI VĂN	DUY	01.01.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30,0	7,0	14,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
173	TRẦN HỮU	LỘC	02.11.2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		7	7	7	9	30,0	7,0	12,5	Trường THCS Đồng Nai		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
174	TRẦN NGUYỄN BÌNH	19/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	9	34,0	6,9	13,4	Trường THCS Đồng Nai		NVI
175	TRẦN NGỌC	02/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	7	30,0	6,9	13,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
176	NGUYỄN THỊ ANH	24/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	7	30,0	6,9	12,4	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
177	ĐOÀN MINH	03/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	9	30,0	6,8	12,2	Trường THCS Đồng Nai		NVI
178	PHẠM TÂN	07/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30,0	6,7	11,9	Trường THCS Đức Phổ		NVI
179	VŨ THỊ ANH	25/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	7	30,0	6,6	12,2	Trường THCS Đồng Nai		NVI
180	LÊ HỮU KHÔI	11/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30,0	6,6	11,9	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
181	ĐÀO MAI	07/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	7	30,0	6,6	11,4	Trường THCS Đức Phổ		NVI
182	ĐÀO THIÊN	20/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	7	7	30,0	6,5	12,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
183	BÌNH HAI	07/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	7	7	30,0	6,4	12,2	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
184	TRẦN QUANG NAM	13/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	7	7	30,0	6,4	11,0	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
185	LƯƠNG CHÍ	04/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30,0	6,3	11,8	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
186	ĐIỀU THỊ	25/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Stiêng	1,0		7	7	7	7	29,0	6,7	12,9	Trường THCS Đồng Nai		NVI
187	ĐIỀU THỊ AÌ	15/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Châu Ma	1,0		7	7	7	7	29,0	6,6	11,7	Trường THCS Đồng Nai		NVI
188	ĐIỀU K	19/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Ma	1,0		7	7	7	7	29,0	6,5	12,2	Trường THCS Đồng Nai		NVI
189	QUỐC AN	18/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1,0		7	7	7	7	29,0	6,4	11,4	Trường THCS Đức Phổ		NVI
190	ĐỖ NGỌC	11/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1,0		7	7	7	7	29,0	5,9	11,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
191	LÊ THỊ HOÀNG	21/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Sán Diu	1,0		7	7	7	7	29,0	5,8	10,7	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
192	LÊ TRẦN QUỐC	29/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,9	13,1	Trường THCS Đồng Nai		NVI
193	NINH BẢO	24/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,8	13,6	Trường THCS Đồng Nai		NVI
194	PHẠM QUỐC	02/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,8	12,2	Trường THCS Đồng Nai		NVI
195	PHẠM VIỆT	17/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,8	12,1	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
196	NGUYỄN TRẦN KHÔI	04/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	13,4	Trường THCS Đồng Nai		NVI
197	HOÀNG QUỐC	31/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	13,1	Trường THCS Đồng Nai		NVI
198	NGUYỄN MINH	30/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	12,6	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
199	BÌNH HOÀNG	31/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	12,4	Trường THCS Đồng Nai		NVI
200	DẶNG TRƯỜNG	24/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	12,3	Trường THCS Đồng Nai		NVI
201	NGUYỄN MAI	04/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	12,1	Trường THCS Đồng Nai		NVI
202	TRẦN KHANG	05/04/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	11,9	Trường THCS Đồng Nai		NVI
203	GIANG PHẠM DIỆM	28/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,7	11,9	Trường THCS Đồng Nai		NVI
204	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	21/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,6	12,1	Trường THCS Đồng Nai		NVI
205	ĐÀO THIÊN	13/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,6	11,6	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI
206	KIM TIÊN	14/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,5	12,5	Trường THCS Đức Phổ		NVI
207	LÊ TIẾN	15/11/2009	TP. Hà Nội	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,4	12,0	Trường THCS Đồng Nai		NVI
208	NGUYỄN VĂN	28/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28,0	6,4	10,6	Trường THCS Quảng Ngãi		NVI

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm KK	Điểm rèn luyện - học tập					Tổng điểm	ĐTB	Toán + Văn	Tên trường lớp 9	Tuyên thặng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
209	NGUYỄN DINH HẢI	11/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,3	12,0	Trường THCS Đồng Nai		NV1
210	TRẦN VŨ ANH	08/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,3	11,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
211	LÊ QUỲ NHÀI	13/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,3	11,4	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
212	ĐÀO MINH CHIẾN	05/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,3	10,9	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
213	HUỖNH PHẠM XUÂN UYÊN	25/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,2	11,0	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
214	HÀ TUẤN ANH	19/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,2	10,9	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
215	PHẠM PHƯƠNG LINH	30/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,2	10,8	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
216	NGUYỄN QUANG LINH	03/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,1	11,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
217	NGUYỄN PHI HÙNG	18/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	6,1	10,6	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
218	VŨ TIẾN ĐẠT	03/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7		28,0	5,9	10,3	Trường THCS Quảng Ngãi		NV1
219	NGUYỄN DUY QUANG	11/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Cao Lan	1,0		7	6	7	7		28,0	5,8	10,4	Trường THCS Đồng Nai		NV1
220	ĐOÀN MỸ XUÂN	07/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	5	7	9		27,0	7,0	13,7	Trường THCS Đồng Nai		NV1
221	NGÔ ỨT TUYÊN	30/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	7	7		27,0	6,7	12,4	Trường THCS Đức Phổ		NV1
222	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	05/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	6	7		27,0	6,7	11,1	Trường THCS Đồng Nai		NV1
223	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	15/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	6	7		27,0	6,3	11,3	Trường THCS Đức Phổ		NV1
224	NGUYỄN QUỐC KIẾT	28/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	7	7		27,0	5,7	10,3	Trường THCS Đức Phổ		NV1
225	NINH HOÀNG BẢO PHI	08/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	7		26,0	6,1	11,3	Trường THCS Đồng Nai		NV1

Danh sách này có 225 học sinh.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận tuyển 225 học sinh, tương đương:

- Số HS tuyển thẳng: 0 HS gồm: HS tương đương PT DTNT: 0 HS, HS khuyết tật: 0 HS

- Số HS tuyển chọn: 225 HS.

Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 26,0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6,1 Điểm; Điểm Toán + Văn: 11,3 điểm

- Số HS tuyển chọn: 225 HS.

Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: 26,0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6,1 Điểm; Điểm Toán + Văn: 11,3 điểm

- Số lớp: 5 lớp; Sĩ số: 45 HS/lớp



Trần Đức Lợi



Đinh Trung Dũng